PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ TIỀN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

01 tháng năm 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Tổng số tiền chủ động	Chia ra							Tổng số tiền theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	**6,516,749**	**9,183**	**-**	**-**	**-**	**197,329**	**2,140,195**	**4,170,042**	**60,082,025**	**18,675,575**	**-**	**224,250**	**-**	**6,824,888**	**29,360,022**	**4,997,290**
I	**Phòng Nghiệp vụ**	**4,507,759**	-	-	-	-	-	2,140,195	2,367,564	**31,755,108**	-	-	-	-	-	29,360,022	2,395,086
II	**Các Khu vực**	**2,008,990**	**9,183**	**-**	**-**	**-**	**197,329**	**-**	**1,802,478**	**28,326,917**	**18,675,575**	**-**	**224,250**	**-**	**6,824,888**	**-**	**2,602,204**
1	Khu vực 1	**889,050**	-	-	-	-	125,675	-	763,375	**22,614,811**	17,275,799	-	194,250	-	4,446,281	-	698,481
2	Khu vực 2	**231,215**	9,183	-	-	-	42,425	-	179,607	**2,798,329**	824,355	-	-	-	727,757	-	1,246,217
3	Khu vực 3	**873,125**	-	-	-	-	29,229	-	843,896	**1,907,439**	566,321	-	-	-	852,850	-	488,268
4	Khu vực 4	**15,600**	-	-	-	-	-	-	15,600	**1,006,338**	9,100	-	30,000	-	798,000	-	169,238